

Bản án số: 118/2023/HC-PT

Ngày: 21/4/2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân và ông Vũ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 219/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

- Người khởi kiện: bà Phan Thị T, sinh năm 1938.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T: ông Đỗ Văn M, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: khu dân cư số 12, thôn L, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Phan Thị T, vắng mặt; ông Đỗ Văn M, có mặt

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ung Đình H - Phó Chủ tịch, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: bà Bùi Thị H - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: xã L, huyện

B, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Phan Tấn H, sinh năm 1960. Địa chỉ: khu dân cư số 12, thôn L, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Tấn H: bà Trần Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: khu dân cư số 12, thôn L, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1975. Địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964. Địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970. Địa chỉ: tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979. Địa chỉ: tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà H, V, Q, M T, T: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1969, có mặt.

11. Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1969. Địa chỉ: khu dân cư số 12, thôn L, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người kháng cáo: bà Phan Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24/6/2021 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ghi ngày 15/10/2021 của bà Phan Thị T, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T là ông Đỗ Văn M trình bày:

Về nguồn gốc đất, việc sử dụng, đăng ký, kê khai: nguyên thửa đất 1791, tờ bản đồ số 12, diện tích 441m² (bản đồ năm 2002) xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc trước đây do ông bà lưu hạ lại cho vợ chồng bà T sử dụng. Từ năm 1975 đến trước khi có xảy ra việc tranh chấp đất đai với ông Phan Tấn H (năm 2019), vợ chồng bà T (Nguyễn Văn B, Phan Thị T) quản lý, sử dụng liên tục, không ai tranh chấp; trên thửa đất này có mồ mã của ông bà, họ tộc tồn tại từ lâu, đã được bà con nhân dân, xóm âm linh và chính quyền xã L xác định và thừa nhận. Vào năm 2015 và năm 2016, vợ chồng bà tiến hành đăng ký, kê khai và làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên và đã được UBND xã L lấy ý kiến khu dân cư, thống nhất đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập danh sách các hộ gia đình, cá nhân đề nghị cấp giấy. Tuy nhiên, sau khi lấy ý kiến khu dân cư, lập danh sách các trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận thì

UBND xã L không thực hiện các thủ tục tiếp theo để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp giấy, vợ chồng bà đã nhiều lần khiếu nại, yêu cầu các cấp có thẩm quyền giải quyết. Sau nhiều lần yêu cầu nhưng chưa được giải quyết, đến ngày 13/02/2020 thì bà được biết là ông Phan Tấn H ở liền kề có đơn tranh chấp đất đai với vợ chồng bà, yêu cầu UBND huyện B giải quyết tranh chấp đất đai với ông Nguyễn Văn B, tranh chấp một phần thửa đất 1791, tờ bản đồ số 12 (bản đồ năm 2002) xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Diện tích ông H tranh chấp là 94m², thuộc một phần thửa đất số 1791 (UBND huyện B xác định thuộc số thửa 2241 - số thửa thêm được chỉnh lý từ thửa 1791 để phục vụ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019).

Kết quả giải quyết tranh chấp đất đai:

Sau khi thẩm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng, tiến hành làm việc với hai bên thì vào ngày 20/11/2020, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2772/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B, cùng thường trú tại: khu dân cư số 12, thôn L, xã Long, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quyết định này thì: Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Tấn H, công dân thường trú tại Khu dân cư số 12, thôn L, xã L, huyện B đối với diện tích 94m², thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), loại đất trồng cây lâu năm khác; Không công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B, công dân thường trú tại khu dân cư số 12, thôn L, xã L, huyện B đối với diện tích 94m², thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), loại đất trồng cây lâu năm khác.

Bà Phan Thị T thấy rằng Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai nêu trên của Chủ tịch UBND huyện B là không khách quan, không phản ánh đúng thực tế sử dụng đất, xâm phạm đến quyền lợi của vợ chồng bà. Cụ thể:

- Về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp: diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất 1791, tờ bản đồ số 12 (bản đồ năm 2002) xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi do vợ chồng bà quản lý, sử dụng từ trước đến nay. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng bà nhiều lần đăng ký, kê khai đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhiều lần có đơn thư khiếu nại nhưng khi UBND xã L, Chủ tịch UBND huyện B giải quyết tranh chấp, không mời bà (Phan Thị T) tham gia là không đảm bảo quyền lợi cho tôi, thủ tục giải quyết không đảm bảo.

- Về thẩm quyền giải quyết: trên diện tích đất các bên đang tranh chấp có tài sản là cây trồng lâu năm của vợ chồng bà T; năm 2018, vợ chồng bà có tiến hành đổ đất để cải tạo đất. Như vậy, trên diện tích đất đang tranh chấp có tài sản gắn liền với đất, giữa các bên có tranh chấp đất đai thì thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện B giải quyết tranh chấp

giữa các bên là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Về căn cứ pháp lý để công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Tấn H: thửa đất đang tranh chấp do vợ chồng bà quản lý, sử dụng, đã đổ đất, cải tạo đất nhưng Quyết định giải quyết tranh chấp xác định ông Phan Tấn H đang sử dụng, căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014, công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Tấn H là không phù hợp với thực tế sử dụng đất.

- Về nguồn gốc đất: quyết định giải quyết tranh chấp đất đai nêu trên nhận định thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12, diện tích 197m² (bản đồ địa chính năm 2002) từ trước năm 1975 là đất nghĩa địa, do UBND xã L quản lý. Đến năm 1975 - 1980 do Hội người cao tuổi trồng lang, mì ven nghĩa địa gây quỹ cho Hội: nhận định này là không chính xác và không có căn cứ, bởi lẽ giai đoạn từ năm 1975-1980, đất nước mới giải phóng, phải lo khắc phục hậu quả chiến tranh, nhà nước bắt đầu thực hiện chủ trương cải cách ruộng đất, thành lập các hợp tác xã nông nghiệp để làm ăn tập thể; giai đoạn này chưa thành lập và chưa có hoạt động của Hội người cao tuổi. Do đó, nhận định về nguồn gốc đất như nêu trên là không có căn cứ.

- Về việc sử dụng đất: Thửa đất nêu trên do ông bà của bà T lưu hạ lại, từ năm 1975 đến trước năm 2019, gia đình bà quản lý, sử dụng liên tục, không có ai tranh chấp; trên thửa đất có mồ mã ông bà, họ tộc tồn tại từ lâu, đã được những người sử dụng đất liền kề, nhân dân tại thôn L, xã L, xóm âm linh xác nhận và đã được UBND xã L xác định tại biên bản họp xác định nguồn gốc 03 ngôi mộ trên thửa đất 1791, tờ bản đồ 12 xã L. Tuy nhiên, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai như trên xác định cha ông Phan Tấn H khai hoang, sử dụng từ năm 1986, sau đó giao lại cho ông Phan Tấn H sử dụng là không phù hợp với thực tế sử dụng đất.

- Về việc đăng ký, kê khai: vợ chồng bà sử dụng thửa đất nêu trên từ năm 1975, không có ai tranh chấp, đã làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận và đã được UBND xã L lấy ý kiến khu dân cư, xác nhận nguồn gốc đất do ông bà lưu hạ lại và lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận từ năm 2015, 2016. Tuy nhiên, quyết định giải quyết tranh chấp không xem xét nội dung này là không khách quan.

- Về căn cứ thực tế: quyết định giải quyết tranh chấp xác định ông Phan Tấn H sử dụng thửa đất từ năm 1986 nhưng bản thân ông H không có một trong các loại giấy tờ chứng minh thửa đất thuộc quyền sử dụng của mình theo quy định của Luật đất đai. Trong khi đó, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện UBND xã L quản lý, thuộc đất nhà nước quản lý nhưng Quyết định giải quyết tranh chấp công nhận cho ông Phan Tấn H được quyền sử dụng diện tích 94m²,

thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), loại đất trồng cây lâu năm khác là không phù hợp (công nhận đất do nhà nước quản lý cho cá nhân).

- Về xác định số thửa đất tranh chấp: quyết định giải quyết tranh chấp đất đai xác định thửa đất tranh chấp giữa các bên là thửa 2241, tờ bản đồ 12, diện tích 197m² tại xã L. Tuy nhiên, thửa đất này hình thành từ số thửa thêm được chỉnh lý từ thửa đất 1791 để phục vụ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019. Như vậy, thửa đất 2241 hình thành từ chỉnh lý vào năm 2019, không phải do cha ông Phan Tấn H để lại cho con vào năm 1986 như Quyết định giải quyết tranh chấp của Chủ tịch UBND huyện B đã nêu.

Từ những nội dung trên, bà Phan Thị T thấy rằng Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên là không có căn cứ pháp luật, không phù hợp với Điều 101 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; không đúng với nguồn gốc, quá trình quản lý, thực tế sử dụng đất, xâm phạm đến quyền lợi của ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị T. Vì vậy, bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B, cùng thường trú tại: khu dân cư số 12, thôn L, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại Văn bản ý kiến số 1151/UBND ngày 09/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện B và tại phiên tòa, ông Ung Đình Hiền – Phó Chủ tịch UBND huyện B trình bày:

Vị trí tranh chấp: Thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), xã L, diện tích 94m², loại đất: đất trồng cây lâu năm khác (CLN). Các thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện trạng vị trí đang tranh chấp: trên diện tích tranh chấp 94m², thuộc một phần thửa đất số 2241 (số thửa thêm được chỉnh lý từ thửa đất số 1791 để phục vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019), tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), xã L ông Nguyễn Văn B có đồ đất khoảng 80m³ đất vào tháng 3, tháng 4 năm 2018.

Về ranh giới thửa đất: vị trí tranh chấp quyền sử dụng đất có giới cận như sau: phía Đông giáp: đất ông Nguyễn Văn B (thửa đất số 2242); phía Tây giáp: đất còn lại của ông Phan Tấn H (thửa đất số 2241); phía Nam giáp: đất của ông Đặng L; phía Bắc giáp: đường Quốc lộ 24C.

- Khôi phục lại 05 mốc giới tại vị trí ranh giới 02 thửa đất số 2241 và thửa đất số 2242, tờ bản đồ số 12, xã L theo hồ sơ đo đạc phục vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: 02 mốc nằm sát vách tường ông Đỗ Văn M

(con rể của ông Nguyễn Văn B) đã xây dựng quán; 03 mốc nằm ngoài vị trí xây dựng, đồ đất của ông Đỗ Văn M (hiện còn 02 mốc bê tông).

Quá trình sử dụng: nguyên thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (Bản đồ địa chính năm 2002), xã L, diện tích 197m² trước năm 1975 là đất nghĩa địa do UBND xã L quản lý. Đến năm 1975-1980, Hội Bảo thọ trồng lang, mì ven rìa phần đất nghĩa địa để gây quỹ cho Hội. Do sản xuất không hiệu quả, Hội Bảo thọ không làm nữa nên đất bỏ hoang. Năm 1983-1985, ông Phan Viên (cha ruột ông Phan Tấn H) khai hoang sử dụng để trồng lang mì trên phần đất trước kia Hội Bảo thọ bỏ hoang. Năm 1986, ông Phan Viên để lại cho ông Phan Tấn H tiếp tục sử dụng trồng lang mì, trồng cỏ. Năm 2015, ông H chuyển sang trồng keo mãi cho đến nay. Thửa đất này đã được UBND huyện xác định loại đất là đất trồng cây lâu năm tại Công văn số 1228/UBND-TNMT ngày 27/5/2019 (thửa đất số 2241/197m² và thửa đất số 2242/432m²).

Về hồ sơ địa chính: theo tờ bản đồ 299 đo vẽ năm 1985, thuộc một phần thửa đất số 344, tờ bản đồ đội 11, diện tích 22.480m², loại đất: đất nghĩa trang (NĐ); theo tờ bản đồ 299 chỉnh lý năm 1996, thuộc một phần thửa đất nghĩa địa có diện tích 2.800m², tờ bản đồ số 5, loại đất: đất nghĩa trang. Theo sổ mục kê đất lập năm 1996, trang số 137, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 5, tên sử dụng đất là nghĩa trang liệt sĩ, loại đất: Đất nghĩa địa (NĐ); theo tờ bản đồ địa chính đo vẽ năm 2002, thuộc một phần thửa đất số 1791, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.425m². Theo sổ thống kê diện tích, chủ sử dụng theo hiện trạng, trang số 13, số thứ tự thửa 1791, tên sử dụng đất là UBND xã L, loại đất: đất nghĩa địa (NĐ).

Trên bản đồ qua các thời kỳ thể hiện đất nghĩa địa là do ông Phan Viên (cha ông Phan Tấn H) trồng cây xen kẽ ở các phần đất trống ven rìa nghĩa địa vẫn còn mồ mã nên khi đo vẽ, chỉnh lý bản đồ, các đơn vị đo đạc đo bao vẫn thể hiện là đất nghĩa địa nhưng thực tế là do ông Phan Viên sử dụng trồng hoà màu và cây lâu năm. Năm 1986, ông Phan Viên để lại cho ông Phan Tấn H sử dụng.

Kết quả đo đạc theo thỏa thuận vào năm 2018 thì số liệu đo đạc theo hiện trạng để phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh lý trên nền bản đồ 2002 thành thửa đất số 2241 (số thửa thêm), tờ bản đồ số 12, diện tích 197m² (thửa đất nêu trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ).

Kết quả đo đạc lại, xác định loại đất: Năm 2016, ông Nguyễn Văn B có lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1791, tờ bản đồ số 12, xã L được UBND xã L xác nhận nguồn gốc đất và lấy ý kiến khu dân cư thống nhất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên qua kiểm tra hồ sơ địa chính thì thửa đất nêu trên đo bao nhiều chủ sử dụng, do đó, hộ ông Nguyễn Văn B đã thỏa thuận thuê đơn vị đo đạc lại theo hiện trạng

sử dụng đất tại Biên bản ngày 09/10/2017, theo đó kết quả đo đạc lại của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện B được chỉnh lý thành 02 thửa đất có số thửa thêm là 2241/197m² của ông Phan Tấn H sử dụng và thửa đất 2242/432m² của ông Nguyễn Văn B sử dụng được UBND huyện thống nhất xác định loại đất tại Công văn số 1228/UBND-TNMT ngày 27/5/2019, thửa đất 2241/197m² và thửa đất 2242/432m², loại đất: đất trồng cây lâu năm (CLN).

Quá trình giải quyết tranh chấp: ngày 24/9/2019, ông Phan Tấn H có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị T, theo đó UBND xã L đã tổ chức hòa giải vào ngày 15/11/2019 kết quả hòa giải bất thành, sau hoà giải UBND xã L có Báo cáo số 210/BC-UBND ngày 15/11/2019 về việc kết quả giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B. Ông Phan Tấn H tiếp tục có đơn đề ngày 13/02/2020 gửi UBND huyện B. UBND huyện đã thụ lý giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, xác minh, theo đó, ngày 12/6/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND xã L mời ông Phan Tấn H với Luật sư Nguyễn Phúc T (người được ông Nguyễn Văn B ủy quyền) để hoà giải và giải thích cơ chế chính sách pháp luật về đất đai. Qua trao đổi, vận động 02 bên tự thỏa thuận về ranh giới để có cơ sở giải quyết tranh chấp, tại buổi làm việc ông Phan Tấn H yêu cầu ông B khôi phục lại hiện trạng trước khi đổ đất và giữ nguyên mốc giới theo kết quả đo đạc năm 2017 và ông Nguyễn Phúc T đề nghị sẽ có ý kiến của mình đại diện cho phía bị đơn sau khi làm việc lại với ông Nguyễn Văn B liên quan đến nội dung hoà giải và có văn bản gửi cho Phòng Tài nguyên và Môi trường; theo đó, ngày 04/7/2020 ông Nguyễn Phúc T (người được ông Nguyễn Văn B ủy quyền) có Thông báo về việc chấm dứt đại diện theo uỷ quyền đối với ông Nguyễn Văn B, đề nghị làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Văn B.

Ngày 17/8/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp tục mời ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B để hoà giải, vận động các bên tranh chấp tự thỏa thuận, thương lượng với nhau để giải quyết cho hợp tình, hợp lý. Đồng thời đưa ra định hướng hòa giải cho các bên. Tuy nhiên, sau khi trao đổi, hai bên tranh chấp không thống nhất ý kiến của nhau nên buổi hòa giải không thành.

Từ kết quả thẩm tra xác minh, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B với nội dung: công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Tấn H, công dân thường trú ở KDC số 12, thôn L, xã L, huyện B đối với diện tích 94m², thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), loại đất: đất trồng cây lâu năm khác (CLN).

Ý kiến của UBND huyện đối với khởi kiện của bà Phan Thị T: từ những nhận định cho thấy thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm

2002), xã L, diện tích 197m² do ông Phan Tấn H sử dụng liên tục từ năm 1986 đến nay, đúng theo ranh giới, mốc giới mà hộ ông Nguyễn Văn B trồng cột bê tông, rào lưới kẽm gai vào năm 2010 được ông Đặng T, ông Lê Q Ngu xác nhận; đồng thời hiện trạng ranh giới làm quán (trái phép) của ông Đỗ Văn M đúng ngay mốc giới trước kia ông Nguyễn Văn B thoả thuận thuê đơn vị đo đạc vào năm 2017 đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra mốc giới tại Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 04/6/2020. Mặt khác, diện tích đất trồng cây lâu năm (CLN) hiện nay gia đình ông Phan Tấn H đang quản lý, sử dụng (kể cả thửa đất đang tranh chấp) không vượt hạn mức giao đất theo Điều 129 Luật đất đai 2013.

Ông Phan Tấn H là người trực tiếp sử dụng đất ổn định, liên tục từ ngày 01/7/2004 mãi cho đến nay, nên ông Phan Tấn H có đủ điều kiện được xem xét công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đối với phần diện tích 94m² thuộc một phần thửa đất số 2441, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), xã L.

Như vậy, việc bà Phan Thị T yêu cầu huỷ Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B là không có cơ sở; Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B là đảm bảo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 53/UBND ngày 14/3/2022 của UBND xã L và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Quân – Chủ tịch UBND xã L trình bày:

Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

Theo bản đồ 299/TTg năm 1985 thuộc một phần thửa đất số 344, tờ bản đồ đội 12, loại đất Nghĩa trang, diện tích 22.480m², xã L. Theo bản đồ 299/TTg chỉnh lý năm 1996 thuộc tờ bản đồ đội 5, loại đất Nghĩa trang, diện tích 19.160m², xã L. Theo bản đồ địa chính được đo vẽ năm 2002 thuộc một phần thửa đất 1791, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.425m², loại đất ND, xã L. Năm 2019 được chỉnh lý cho số thửa thêm thành thửa 2241, tờ bản đồ số 12 để công tác xác định loại đất phục vụ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện thống nhất xác định loại đất là đất trồng cây lâu năm (CLN) tại Công văn số 228/UBND-TNMT ngày 27/5/2019. Ngày 15/11/2019, UBND xã L tiến hành mời hòa giải 2 bên đương sự, tuy nhiên buổi hòa giải không thành.

Về ý kiến của UBND xã L: thống nhất theo Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND huyện B về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 23/11/2021 của ông Phan Tấn H và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Tấn H là bà Trần Thị Hoa trình bày:

Nguyên thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), diện tích 197m² tại xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi do cha ông Phan Tấn H là ông Phan Viên khai hoang sử dụng để trồng mì. Đến năm 1986, cha mẹ ông H để lại cho ông H tiếp tục sử dụng để trồng mì, kiệu; đến năm 2010, ông H trồng cỏ voi cho bò; năm 2015, ông H chuyển sang trồng keo mãi cho đến nay. Hiện thửa đất này đã được UBND huyện B xác định là loại đất trồng cây lâu năm. Trong quá trình quản lý sử dụng ổn định, liên tục, công khai thửa đất này từ năm 1986 đến năm 2020, ông H không kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Giới cận thửa đất số 2241 cụ thể như sau: Đông giáp thửa đất số 2242 của ông Nguyễn Văn B, Tây giáp đất của ông Đặng L, Nam giáp đất ông Đặng Đ, Bắc giáp đường Quốc lộ 24C. Ranh giới sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị T và gia đình ông H đã được xác định bằng cọc bê tông, rào kẽm gai từ năm 2010.

Ngày 26/3/2018, bà Phan Thị T tự ý đổ đất lấn chiếm sang phần đất ông H đang sử dụng với diện tích 94m², ông H ra ngăn cản và báo chính quyền địa phương. Đến ngày 24/4/2018, bà Phan Thị T tiếp tục đổ đất lần thứ 2 nên ông H tiếp tục ra ngăn cản và yêu cầu bà T giữ lại mốc ranh giới mà hai bên đã xác định trước đây nhưng bà T cố chấp không nghe. Tranh chấp đã được hòa giải nhiều lần tại UBND xã L cũng như tại UBND huyện B.

Đến ngày 20/11/2020, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2772/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B với nội dung quyết định tại Điều 1 cụ thể như sau: “1. Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Tấn H, công dân thường trú ở KDC số 12, thôn L, xã L, huyện B đối với diện tích 94m², thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), loại đất: Đất trồng cây lâu năm khác (CLN).

2. Không công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B, công dân thường trú ở KDC số 12, thôn L, xã L, huyện B đối với diện tích 94m², thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002), loại đất: Đất trồng cây lâu năm khác (CLN)”.

Ngoài nội dung này, Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND huyện B còn có các nội dung khác. Xét thấy, nguyên diện tích thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12, diện tích 197m², xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi do gia đình ông H quản lý, sử dụng ổn định liên tục từ năm 1986 đến nay, có ranh giới sử dụng đất riêng biệt với thửa đất số 2242 của ông Nguyễn Văn B bằng

cọc bê tông, rào kẽm gai; phần diện tích đất 94m² thuộc thửa đất số 2241 là của gia đình ông H và thực tế gia đình ông Nguyễn Văn B không quản lý, cũng không phải là người trực tiếp sử dụng phần diện tích 94m² đất nêu trên; đồng thời, ông Nguyễn Văn B cũng không cung cấp được các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, cũng như các loại giấy tờ khác để chứng minh việc sử dụng đất của ông trên phần diện tích đất 94m² nêu trên nên vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị T không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn ông H là người trực tiếp sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1986 đến nay, nên ông H có đủ điều kiện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đối với phần diện tích 94m² thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12, diện tích 197m², xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nhận thấy trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai đối với phần diện tích thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12, diện tích 197m², xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi tuân thủ đúng quy định pháp luật và nội dung Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B là đúng quy định pháp luật nên ông H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phan Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2022, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị S trình bày:

Chúng tôi là con của ông Nguyễn Văn B và bà Phan Thị T. Về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất và giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện B, người khởi kiện là bà Phan Thị T đã trình bày đầy đủ trong đơn khởi kiện, chúng tôi thống nhất nên không khai gì thêm. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T: hủy Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B.

Ý kiến của bà Bùi Thị Hảo - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

Ông Phan Tấn H là người trực tiếp sử dụng đất ổn định, liên tục diện tích 94m² thuộc một phần thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12 (bản đồ địa chính năm 2002) xã L từ ngày 01/7/2004 đến nay nên có đủ điều kiện được xem xét, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai

năm 2013 và điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; Điều 101, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 61, Điều 88, Điều 89, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B, cùng thường trú tại: khu dân cư số 12, thôn L, xã L, huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/8/2022, bà Phan Thị T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Phan Thị T không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo và không rút đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 02/7/2021 và ngày 22/10/2021, bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B; với lý do:

[1.1] Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020, nhận định thửa đất số 2241, tờ bản đồ số 12, diện tích 197m² (*bản đồ địa chính năm 2002*) từ trước năm 1975 là đất nghĩa địa, do UBND xã L quản lý. Đến năm 1975 - 1980 do Hội người cao tuổi trồng lang, mì ven nghĩa địa gây quỹ cho Hội là không đúng thực tế và không có căn cứ; bởi lẽ, diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất 1791, tờ bản đồ số 12 (*bản đồ năm 2002*) xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc do ông bà của bà T tạo lập; để lại cho vợ chồng bà T và từ năm 1975 vợ chồng bà đổ đất, cải tạo đất và quản lý, sử dụng cho đến 2019, không có tranh chấp và đã được UBND xã L lấy ý kiến khu dân cư, xác nhận nguồn gốc đất do ông bà lưu hạ lại và lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận từ năm 2015, 2016. Đồng thời, trên thửa đất 1791, tờ bản đồ số 12 (*bản đồ năm 2002*) xã L đang tồn tại mồ mã ông bà, họ tộc bà từ lâu và đã được những người sử dụng đất liền kề, nhân dân tại thôn L, xã L, được UBND xã L xác định tại biên bản họp xác định nguồn gốc 03 ngôi mộ là của gia đình Bà.

[1.2] Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai xác định thửa đất tranh chấp giữa các bên là thửa 2241, tờ bản đồ 12, diện tích 197m² tại xã L. Tuy nhiên, thửa đất này hình thành từ số thửa thêm được chỉnh lý từ thửa đất 1791 là để phục vụ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019. Như vậy, thửa đất 2241 hình thành từ chỉnh lý vào năm 2019, không phải do cha ông Phan Tấn H để lại cho con vào năm 1986 như Quyết định giải quyết tranh chấp của Chủ tịch UBND huyện B đã nêu.

[1.3] Trên diện tích đất các bên đang tranh chấp có tài sản là cây trồng lâu năm của vợ chồng bà T; năm 2018, vợ chồng bà có tiến hành đổ đất để cải tạo đất. Như vậy, trên diện tích đất đang tranh chấp có tài sản gắn liền với đất, giữa các bên có tranh chấp đất đai thì thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện B giải quyết tranh chấp giữa các bên là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà Phan Thị T:

[2.1] Ngày 24/9/2019, ông Phan Tấn H nộp đơn đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị T đối với diện tích đất 94m², thuộc một phần thửa đất số 2241 (*số thửa thêm được chỉnh lý từ thửa đất số 1791 để phục vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019*), tờ bản đồ số 12 (*bản đồ địa chính năm 2002*); Tranh chấp giữa ông H với ông B đã được hòa giải cơ sở không thành và đương sự không có Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai và không tranh chấp về tài sản gắn liền với đất nên Chủ tịch UBND huyện B giải quyết tranh chấp đất đai là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 61, Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

[2.2] Hồ sơ quản lý đất đai xã L thể hiện nguồn gốc đất tranh chấp như sau:

Theo tờ bản đồ 299/TTg đo vẽ năm 1985, thuộc một phần thửa đất số 344, tờ bản đồ số 11, diện tích 22.480m²; Loại đất: đất nghĩa trang (NĐ).

Theo tờ bản đồ 299/TTg chỉnh lý năm 1996, thuộc một phần thửa đất nghĩa địa có diện tích 2.800m², tờ bản đồ số 5; Loại đất: đất nghĩa trang. Theo sổ mục kê đất lập năm 1996, trang số 137, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 5, tên sử dụng đất là nghĩa trang liệt sĩ, loại đất: đất nghĩa địa (NĐ).

Theo tờ bản đồ địa chính đo vẽ năm 2002, thuộc một phần thửa đất số 1791, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.425m². Theo sổ thống kê diện tích, chủ sử dụng theo hiện trạng, trang số 13, số thứ tự thửa 1791, tên sử dụng đất là UBND xã L, loại đất: đất nghĩa địa (NĐ). Năm 2016, ông Nguyễn Văn B có lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1791, tờ bản đồ số 12, xã L được UBND xã L xác nhận nguồn gốc đất và lấy ý kiến khu dân cư thống nhất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên qua kiểm tra hồ sơ địa chính thì thửa đất số 1791, tờ bản đồ số 12 đo bao nhiêu chủ sử dụng (*Biên bản hòa giải ngày 03/5/2018 tại UBND xã L cũng xác định nhiều hộ sử dụng và thực hiện dự án tuyến đường sông Trà Bồng đã ảnh hưởng một phần nhưng không bồi thường đất cho ai*) nên hộ ông Nguyễn Văn B đã thỏa thuận thuê đơn vị đo đạc lại theo hiện trạng sử dụng đất tại Biên bản ngày 09/10/2017 và theo đó kết quả đo đạc lại của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện B được chỉnh lý thành 02 thửa đất có số thửa thêm là 2241/197m² của ông Phan Tấn H sử dụng và thửa đất 2242/432m² của ông Nguyễn Văn B sử dụng.

Như vậy, theo hồ sơ địa chính; Diện tích thửa đất số 1791, tờ bản đồ số 12 (*bao gồm cả diện tích đất tranh chấp 94m²*) là đất nghĩa trang, nghĩa địa do UBND xã L quản lý nhưng trên thực tế được nhiều chủ sử dụng và trong đó, việc sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị T chỉ là thửa đất 2242, tờ bản đồ số 12, diện tích 432m²; Bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất và do khai hoang. Cho nên, bà T khởi kiện cho rằng thửa đất 1791, tờ bản đồ số 12 (*bản đồ năm 2002*) xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc do ông bà của bà T tạo lập; Để lại cho vợ chồng bà T quản lý, sử

dụng được UBND xã L lấy ý kiến khu dân cư, xác nhận nguồn gốc đất và lập danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận từ năm 2015, 2016 cho thửa đất 1791, tờ bản đồ số 12 (*bản đồ năm 2002*) là không đúng và không có căn cứ.

[2.3] Quá trình làm việc với UBND xã L, các nhân chứng ông Lê Văn Ngư, Đặng T, Đặng Thân xác nhận diện tích đất tranh chấp do cha ông Phan Tấn H là ông Phan Viên khai hoang sử dụng để trồng lang, mì từ năm 1983 -1985. Đến năm 1986, ông Phan Viên già yếu nên để lại cho ông Phan Tấn H tiếp tục sử dụng cho đến nay; phù hợp với hiện trạng ranh giới làm quán (*trái phép*) của ông Đỗ Văn M đúng ngay mốc giới trước kia ông Nguyễn Văn B thỏa thuận thuê đơn vị đo đạc vào năm 2017 đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra mốc giới tại Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 04/6/2020 và đúng theo ranh giới, mốc giới mà hộ ông Nguyễn Văn B trồng cột bê tông, rào lưới kẽm gai vào năm 2010 được ông Đặng T, ông Lê Q Ngư xác nhận. Bên cạnh đó, tại đơn xin đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/02/2017, ông B xin cấp 441m² tại thửa đất số 1936, tờ bản đồ số 12, xã L được xác định là vị trí thửa đất số 2242 tờ bản đồ số 12, xã L; không bao gồm diện tích đất tranh chấp 94m². Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà Phan Thị T.

Do bác kháng cáo nên bà Phan Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Phan Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà Nguyễn Thị Muôn không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: bác kháng cáo của bà Phan Thị T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

Căn cứ Điều 101, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 61, Điều 88, Điều 89, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phan Tấn H và ông Nguyễn Văn B, cùng thường trú tại: khu dân cư số 12, thôn L, xã L, huyện B.

2/ Bà Phan Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3/ Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh